TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST Ngày**:** 27-6-2024 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đàm Thanh Vũ**

Bà **Trần Thị Mỹ Xuân**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2024/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh M, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Lê K, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh M trình bày:*

Vào năm 1988 thì bà và ông K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ông có 05 con chung là Lê C, sinh năm 1991; Lê B, sinh năm 1990; Lê Đ, sinh năm 1994; Lê T, sinh năm 1996 và Lê R, sinh năm 2001. Ba người con gái đều đã có gia đình sống riêng tư, còn hai con trai T và R đang sống với hai vợ chồng bà. Quá trình chung sống vợ chồng bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng lẫn nhau, ông K không xem trọng vợ, chỉ xem trọng bạn bè từ đó hai người không có tiếng nói chung, cũng có khi ông K đánh bà đến nhập viện. Vợ chồng bà bắt đầu sống ly thân hơn một năm nay, mạnh ai nấy sống. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn lại được. Bà xin được ly hôn với ông K. Còn những vẫn đề khác như tài sản chung, nợ chung, con chung thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê K trình bày tại phiên tòa:*

Ông và bà Huỳnh M chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng vợ chồng ông không có đăng ký kết hôn. Còn về con chung, tài sản chung và nợ chung thì ông thống nhất lời trình bày của bà M. Trong cuộc sống hằng ngày thì vợ chồng ông luôn có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cải, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên vợ chồng ông đã ly thân với nhau hơn một năm nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể giải quyết mâu thuẫn với nhau và không thể hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê K và bà Huỳnh M sống chung với nhau vào năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận.

[2] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có năm con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà M và ông K đều trình bày nguyên nhân là mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu lẫn nhau, cuộc sống không hòa hợp, gia đình không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên ông bà đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay. Vì vậy, bà M yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông K. Còn ông K cũng đồng ý.

[3] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, nên ông bà đã sống ly thân với nhau. Mặt khác, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải xem có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung hay không thì không có phát sinh gì; bên cạnh đó Tòa án cũng động viên ông bà về sống chung nhằm hàn gắn lại tình cảm gia đình,

nhưng hai người vẫn nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với nhau mà không về đoàn tụ lại với nhau. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của bà M và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà M và ông K là vợ chồng.

[4] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có năm con chung đều đã trưởng thành, bà M và ông K đều trình bày các con chung của ông bà đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân và không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Minh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; ông Lê Văn Khẩn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 260, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Lê K và bà Huỳnh M là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung của ông K và bà M đều trưởng thành, không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: ông K và bà M không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005224 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Lê K không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng